



CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 95 /2022/TB-CPC1HN

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên công ty: Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội

Mã chứng khoán: DTP

Trụ sở chính: Cụm CN Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 0243.3765503

Fax: 0243.3765504

Người thực hiện công bố thông tin: Tạ Thị Hải Huyền

Loại thông tin công bố: 24h 72 Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 28/03/2022 tại địa chỉ: <https://cpc1hn.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HĐQT, VT.

Người thực hiện công bố thông tin

Tạ Thị Hải Huyền

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPCI HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 32

11/07/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Lê Nam Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên
Ông Vũ Văn Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

Bà Trần Thụy Khanh	Trưởng ban
Bà Trương Thị Huệ	Thành viên
Bà Trần Thị Phương Thảo	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Nguyễn Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Nam Thắng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ATC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành Báo cáo tài chính kèm theo.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Nam Thắng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội, được lập ngày 26/03/2022, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA), với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



Vũ Thế Hùng
Tổng Giám đốc
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1604-2018-047-1
Thay mặt và đại diện

Phan Đăng Quang
Kiểm toán viên
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4555-2018-047-1

CÔNG TY TNHH HÀNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ATC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		363.439.927.893	274.217.943.922
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11.484.853.888	13.471.533.262
1. Tiền	111	V.1	11.484.853.888	13.471.533.262
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		179.737.681.020	163.071.288.819
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	144.357.736.894	146.466.585.835
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.10	32.805.146.404	14.681.455.143
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	2.574.797.722	2.338.218.435
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	-	(414.970.594)
IV- Hàng tồn kho	140		169.544.215.276	94.652.750.594
1. Hàng tồn kho	141	V.5	169.544.215.276	94.652.750.594
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		2.673.177.709	3.022.371.247
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	2.509.851.463	1.716.961.715
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		163.164.259	140.811.420
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	161.987	1.164.598.112
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		251.332.994.628	259.484.536.421
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		2.294.892.549	2.168.112.733
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3	2.294.892.549	2.168.112.733
II- Tài sản cố định	220		232.695.677.741	242.155.056.528
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	216.036.619.068	225.943.739.488
- Nguyên giá	222		359.814.083.384	334.706.472.794
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(143.777.464.316)	(108.762.733.306)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	16.659.058.673	16.211.317.040
- Nguyên giá	228		21.369.934.763	20.260.434.763
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.710.876.090)	(4.049.117.723)
III- Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240		-	132.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	132.000.000
V- Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI- Tài sản dài hạn khác	260		16.342.424.338	15.029.367.160
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	16.342.424.338	15.029.367.160
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		614.772.922.521	533.702.480.343

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	MẪU SỐ B 01-DN	
			31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		164.166.732.393	174.107.958.956
I- Nợ ngắn hạn	310		137.311.444.028	129.987.224.956
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	12.204.436.898	22.543.974.095
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.2	5.881.413.856	6.303.790.318
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	8.199.856.035	1.601.349.796
4. Phải trả người lao động	314		21.642.502.613	20.458.588.754
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	1.267.666.898	3.300.168.687
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	5.681.943.283	940.602.131
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.9	69.783.782.701	66.567.616.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.649.841.744	8.271.135.175
II- Nợ dài hạn	330		26.855.288.365	44.120.734.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	234.000.000	130.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.9	25.172.166.000	40.690.734.000
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.449.122.365	3.300.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		450.606.190.128	359.594.521.387
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.14	450.617.183.928	360.189.392.187
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		121.717.820.000	121.717.820.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		121.717.820.000	121.717.820.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.473.000.000	5.473.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		67.287.589.524	42.984.939.613
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		256.138.774.404	190.013.632.574
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		147.875.554.874	92.803.032.931
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		108.263.219.530	97.210.599.643
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(10.993.800)	(594.870.800)
1. Nguồn kinh phí	431	V.15	(10.993.800)	(594.870.800)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		614.772.922.521	533.702.480.343

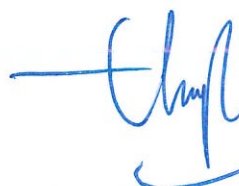
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Phùng Thị Thảo Hương

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thu Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Nam Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	MẪU SỐ B 02-DN	
			Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	579.814.094.702	520.345.171.072
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.637.603.409	1.896.413.585
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		576.176.491.293	518.448.757.487
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	263.402.036.966	250.374.579.208
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		312.774.454.327	268.074.178.279
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	447.672.187	817.341.252
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	8.588.535.480	12.158.311.345
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>8.546.014.376</i>	<i>11.894.235.686</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8	164.345.989.669	125.087.688.672
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	21.384.543.731	24.929.846.867
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		118.903.057.634	106.715.672.647
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.150.031.978	326.492.520
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.108.377.825	993.091.596
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		41.654.153	(666.599.076)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		118.944.711.787	106.049.073.571
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	10.681.492.257	8.838.473.928
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		108.263.219.530	97.210.599.643
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	8.152	7.321
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	6.114	7.321

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Phùng Thị Thảo Hương

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thu Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Nam Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	MẪU SỐ B 03-DN	
			Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		580.017.011.148	512.117.807.437
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(354.926.821.234)	(287.481.627.642)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(121.065.311.592)	(100.633.690.158)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(8.808.903.577)	(11.688.253.678)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(4.186.994.301)	(13.468.695.783)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		14.640.357.615	20.985.264.407
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(59.657.784.450)	(46.203.034.244)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		46.011.553.609	73.627.770.339
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(26.225.067.004)	(20.387.716.548)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	479.331.167
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.225.067.004)	(19.908.385.381)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		38.770.985.406	24.029.898.652
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(50.879.180.989)	(61.415.567.663)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.735.295.600)	(13.644.160.820)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(21.843.491.183)	(51.029.829.831)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(2.057.004.578)	2.689.555.127
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	13.471.533.262	10.656.775.906
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		70.325.204	125.202.229
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1	11.484.853.888	13.471.533.262

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Phùng Thị Thảo Hương

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thu Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Nam Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104089394 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/08/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 10/11/2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ: 121.717.820.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi một tỷ, bảy trăm mười bảy triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng./.*).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Sản xuất bao bì từ plastic: Sản xuất bao bì bằng gỗ; sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- Quảng cáo;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Kinh doanh bất động sản; Doanh nghiệp bán buôn thuốc, bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ;
- Doanh nghiệp bán thuốc; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi thăm quan, du lịch hoặc mục đích khác;
- Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý; Dịch vụ tư vấn hỗ trợ thành lập doanh nghiệp và quản lý doanh nghiệp;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ kính mắt, kính thuốc;
- Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, dinh dưỡng, thực phẩm chăm sóc sức khỏe, thực phẩm bổ dưỡng, thực phẩm bổ sung và các thực phẩm chế biến khác (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, dinh dưỡng, thực phẩm chăm sóc sức khỏe, thực phẩm bổ dưỡng, thực phẩm bổ sung và các thực phẩm chế biến khác (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán lẻ thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, dinh dưỡng, thực phẩm chăm sóc sức khỏe, thực phẩm bổ dưỡng, thực phẩm bổ sung và các thực phẩm chế biến khác (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn vacxin, sinh phẩm y tế; Xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Nhập khẩu trang thiết bị y tế; Bán buôn dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu; Bán buôn chế phẩm diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; Bán buôn nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, thức ăn chăn nuôi;
- Dịch vụ nhập khẩu ủy thác;
- Dịch vụ bảo quản thuốc, Đại diện thương nhân; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong năm của Công ty gồm: Sản xuất và kinh doanh thuốc, hoá dược và dược liệu.

Số lượng lao động của Công ty tại ngày 31/12/2021 là: 1061 người (tại ngày 01/01/2021 là: 929 người)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	Số 356A, đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Chi nhánh Đà Nẵng	Lô 144-B2-2, đường Hoàng Thị Loan, phường Hoà Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Số 26-28, đường Hàn Mạc Tử, phường Tân Thành, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi (nếu có).

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo. Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Đối với tài sản cố định có thay đổi nguyên giá sau ghi nhận ban đầu thì chi phí khấu hao được tính bằng nguyên giá mới trừ đi chi phí khấu hao lũy kế chia cho thời gian khấu hao còn lại.

Năm sử dụng ước tính

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 45
Máy móc, thiết bị	04 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Tài sản cố định khác	02 - 12

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng 30.306,3 m² diện tích đất thuê tại Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội trong 45 năm của Công ty. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất.

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, bao gồm chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí dịch vụ thuê ngoài trả trước, công cụ dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán căn cứ theo hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo hóa đơn mua hàng của bên bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và hợp đồng kinh tế.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả ghi nhận các khoản chi phí ước tính cho hoạt động sản xuất kinh doanh đã phát sinh trong năm nhưng chưa có số liệu quyết toán chính thức với đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ, chưa xác định nghĩa vụ phải trả cho nhà cung cấp.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá)

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp cung cấp dịch vụ trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ: Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch; Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch; Khi ghi nhận các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động kinh doanh	Thuế suất
- Hoạt động xuất khẩu thuốc tân dược	0%
- Hoạt động bán thuốc tân dược	5%
- Hoạt động bán thực phẩm chức năng, cho thuê kho	10%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo****Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập tính thuế.

Công ty là doanh nghiệp khoa học và công nghệ được xác nhận theo Giấy chứng nhận số 44/DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 07 năm 2018, theo đó Công ty được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN theo quy định tại Điều 12, Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Theo quy định tại Điều 12, Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019, Doanh nghiệp khoa học công nghệ không được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với năm tài chính không đáp ứng được điều kiện về doanh thu của sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học công nghệ đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu của doanh nghiệp. Năm 2021, tỷ lệ doanh thu của sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học công nghệ là 59,84% trên tổng doanh thu. Do đó, Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ việc sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thuốc hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ.

Đối với thu nhập từ việc sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thuốc hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ Công ty được áp dụng mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm kể từ năm 2018, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (4) năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong chín (9) năm tiếp theo theo quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều 15, khoản 6 Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế TNDN. Năm 2021 là năm thứ tư (4) Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thuốc hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, thành viên của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	1.472.738.410	877.712.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.012.115.478	12.593.821.262
Cộng	11.484.853.888	13.471.533.262

2. Công nợ với khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Bên liên quan	7.716.834.385	11.277.719.714
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	1.634.462.448	4.730.265.567
Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	1.613.062.147	3.334.997.381
Công ty TNHH Dược phẩm VNP	4.313.027.557	3.165.266.766
Công ty Cổ phần Dược phẩm Medzavy	131.400.500	47.190.000
Công ty Cổ phần Upharma	24.881.733	-
- Bên không liên quan	136.640.902.509	135.188.866.121
Công ty TNHH sản xuất và đầu tư phát triển Thuận Phát	9.400.696.672	11.784.916.727
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha Cần Thơ	1.990.517.443	4.945.957.643
Bệnh Viện Chợ Rẫy	3.056.671.400	784.780.450
Các khoản phải thu khách hàng khác	122.193.016.994	117.673.211.301
Cộng	144.357.736.894	146.466.585.835
b) Khách hàng trả trước ngắn hạn		
- Bên liên quan	7.319.774	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương CPC1 - Chi nhánh Nghệ An	7.319.774	-
- Bên không liên quan	5.874.094.082	6.303.790.318
Canalab Pharmaceutical (23.149,80 USD)	529.367.514	146.335.200
Intelligent Health Care Co.,Ltd (10.000,00 USD)	231.100.000	231.100.000
Laboratorios Farmacéuticos Markos (17.500,00 USD)	397.150.000	-
Matrix Uganda Ltd. (11.000,00 USD)	254.100.000	254.100.000
Nurture Med Pharma Inc (14.000,00 USD)	320.680.000	23.110.000
PDC Drug Store LLC (9.000,00 USD)	204.430.000	-
Scab Pharmacy Ltd (16.800,00)	388.484.720	388.484.720
Slim Healthcare (PVT) Ltd (11.000,00 USD)	253.165.000	126.775.000
Công ty TNHH Dược Mỹ Phẩm Phú An	226.800.000	-
Công ty TNHH Dược Phẩm Biopha	612.000.000	1.587.730.080
Các khoản khách hàng trả trước khác	2.456.816.848	3.546.155.318
Cộng	5.881.413.856	6.303.790.318

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. Các khoản phải thu khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.574.797.722	2.338.218.435
Phải thu tiền hàng ủy thác	-	42.676.447
Ứng trước tiền hàng ủy thác	1.544.664.326	126.920.820
Tạm ứng cho người lao động	546.503.523	1.046.603.466
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	459.945.581	876.376.019
Phải thu thuế GTGT hàng ủy thác	-	11.304.681
Phải thu khác	23.684.292	234.337.002
b) Dài hạn	2.294.892.549	2.168.112.733
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - (Bên liên quan - Cổ đông)	450.000.000	400.000.000
Đặt cọc thuê văn phòng	400.000.000	400.000.000
Đặt cọc thuê xe nâng	50.000.000	-
Ký cược ký quỹ dài hạn	1.844.892.549	1.768.112.733
Cộng	4.869.690.271	4.506.331.168

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	1.131.301.431	(414.970.594)
Quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	-	-	835.726.208	(250.717.862)
Quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	-	-	250.568.123	(125.284.062)
Quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	-	-	20.128.100	(14.089.670)
Quá hạn trên 3 năm	-	-	24.879.000	(24.879.000)

5. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	86.127.306.966	-	50.048.454.516	-
Công cụ, dụng cụ	579.779.390	-	336.769.863	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.098.569.633	-	310.219.562	-
Thành phẩm	50.632.410.573	-	30.048.100.362	-
Hàng hóa	30.106.148.714	-	13.909.206.291	-
Cộng	169.544.215.276	-	94.652.750.594	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***MÃ SỐ B 09-DN****6. Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2021	88.025.638.893	218.696.754.948	14.107.266.272	-	13.876.812.681	334.706.472.794
Tăng trong năm	3.845.553.454	16.340.286.923	4.796.712.726	34.608.182	733.500.000	25.750.661.285
Mua trong năm	-	16.340.286.923	4.796.712.726	34.608.182	733.500.000	21.905.107.831
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.845.553.454	-	-	-	-	3.845.553.454
Giảm trong năm	-	643.050.695	-	-	-	643.050.695
Thanh lý, nhượng bán	-	643.050.695	-	-	-	643.050.695
Số dư tại 31/12/2021	91.871.192.347	234.393.991.176	18.903.978.998	34.608.182	14.610.312.681	359.814.083.384
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2021	17.706.049.030	80.339.563.591	4.325.445.519	-	6.391.675.166	108.762.733.306
Tăng trong năm	2.743.150.050	27.775.611.120	2.416.098.117	1.376.885	2.452.008.500	35.388.244.672
Khấu hao trong năm	2.743.150.050	27.775.611.120	2.416.098.117	1.376.885	2.452.008.500	35.388.244.672
Giảm trong năm	-	373.513.662	-	-	-	373.513.662
Thanh lý, nhượng bán	-	373.513.662	-	-	-	373.513.662
Số dư tại 31/12/2021	20.449.199.080	107.741.661.049	6.741.543.636	1.376.885	8.843.683.666	143.777.464.316
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2021	70.319.589.863	138.357.191.357	9.781.820.753	-	7.485.137.515	225.943.739.488
Tại 31/12/2021	71.421.993.267	126.652.330.127	12.162.435.362	33.231.297	5.766.629.015	216.036.619.068

Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 153.415.686.588 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 184.327.833.764 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2021 là 1.139.901.476 VND (tại thời điểm 01/01/2021 không có tài sản cố định nào hết khấu hao).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2021	20.260.434.763	-	20.260.434.763
Tăng trong năm	-	1.109.500.000	1.109.500.000
Mua trong năm	-	1.109.500.000	1.109.500.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	<u>20.260.434.763</u>	<u>1.109.500.000</u>	<u>21.369.934.763</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2021	4.049.117.723	-	4.049.117.723
Tăng trong năm	450.314.364	211.444.003	661.758.367
Khấu hao trong năm	450.314.364	211.444.003	661.758.367
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	<u>4.499.432.087</u>	<u>211.444.003</u>	<u>4.710.876.090</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2021	<u>16.211.317.040</u>	-	<u>16.211.317.040</u>
Tại 31/12/2021	<u>15.761.002.676</u>	<u>898.055.997</u>	<u>16.659.058.673</u>

Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 15.761.002.676 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2021: 16.211.317.040 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

8. Chi phí trả trước

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.330.946.644	582.972.508
Chi phí thuê văn phòng	784.737.500	737.750.000
Chi phí bảo hiểm	73.229.871	79.580.092
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	320.937.448	316.659.115
b) Dài hạn	16.342.424.338	15.029.367.160
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	8.032.183.086	7.755.357.616
Chi phí sửa chữa, bảo trì	7.648.549.339	6.961.530.478
Chi phí trả trước dài hạn khác	661.691.913	312.479.066

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

9. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2021		Phân loại lại	Tăng trong năm	Giảm trong năm	01/01/2021
	VND	VND				
Vay ngắn hạn	69.783.782.701	(62.513.411)	15.518.568.000	38.794.929.252	24.302.097.140	66.567.616.000
Vay cá nhân (*)	41.153.156.000	-	-	3.500.000.000	11.059.152.000	48.712.308.000
Vay ngân hàng ngắn hạn (**)	13.112.058.701	(62.513.411)	-	35.294.929.252	24.302.097.140	2.181.740.000
Vay dài hạn đến hạn trả	15.518.568.000	-	15.518.568.000	-	15.673.568.000	15.673.568.000
+ Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Times city	15.308.568.000	-	15.308.568.000	-	15.308.568.000	15.308.568.000
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai	210.000.000	-	210.000.000	-	365.000.000	365.000.000
Vay dài hạn	25.172.166.000	-	(15.518.568.000)	-	-	40.690.734.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Times city	24.717.166.000	-	(15.308.568.000)	-	-	40.025.734.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai	455.000.000	-	(210.000.000)	-	-	665.000.000
Cộng	94.955.948.701	(62.513.411)	-	38.794.929.252	24.302.097.140	107.258.350.000

(*) Chi tiết khoản vay cá nhân:

Bên cho vay	Loại tiền	31/12/2021		01/01/2021	
		VND	VND	VND	VND
Vay cá nhân là bên liên quan	VND	40.791.663.000	42.539.966.000	42.539.966.000	42.539.966.000
Thành viên Hội đồng quản trị	VND	25.101.109.000	26.849.412.000	26.849.412.000	26.849.412.000
Các cổ đông lớn	VND	15.690.554.000	15.690.554.000	15.690.554.000	15.690.554.000
Vay cá nhân không phải là bên liên quan	VND	361.493.000	6.172.342.000	6.172.342.000	6.172.342.000
Vay cá nhân khác	VND	361.493.000	6.172.342.000	6.172.342.000	6.172.342.000
Cộng		41.153.156.000	48.712.308.000	48.712.308.000	48.712.308.000

Các khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo, mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất 7%/năm, hợp đồng vay không quy định thời hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình,
huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

() Chi tiết khoản vay ngân hàng ngắn hạn:**

Khoản vay của Ngân hàng TMCP Á Châu - Phòng giao dịch Times City theo Hợp đồng cấp tín dụng số BMA.DN.1723.160721 ngày 20/07/2021, hạn mức tín dụng: 45.000.000.000 VND, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thuốc, phương thức cho vay: cho vay theo hạn mức tín dụng, giải ngân theo từng kế ước nhận nợ. Chi tiết theo các kế ước nhận nợ như sau:

- Kế ước nhận nợ số 340737059 ngày 21/07/2021, số tiền 233.000 USD, đã trả 165.669,93 USD, còn phải trả 67.330,07 USD; lãi suất 2,8%/năm, thời hạn vay 6 tháng.
- Kế ước nhận nợ số 342375869 ngày 23/08/2021, số tiền 60.000 USD, lãi suất 2,8%/năm, thời hạn vay 6 tháng.
- Kế ước nhận nợ số 343269009 ngày 10/09/2021, số tiền 51.000 USD, lãi suất 2,8%/năm, thời hạn vay 6 tháng.
- Kế ước nhận nợ số 343252339 ngày 11/09/2021, số tiền 74.000 USD, lãi suất 2,8%/năm, thời hạn vay 6 tháng.
- Kế ước nhận nợ số 343507619 ngày 15/09/2021, số tiền 125.000 USD, lãi suất 2,8%/năm, thời hạn vay 6 tháng.
- Kế ước nhận nợ số 345327499 ngày 13/10/2021, số tiền 89.189 USD, lãi suất 2,8%/năm, thời hạn vay 6 tháng.
- Kế ước nhận nợ số 345325559 ngày 13/10/2021, số tiền 106.811 USD, lãi suất 2,8%/năm, thời hạn vay 6 tháng.

(*) Chi tiết khoản vay ngân hàng dài hạn:**

- Khoản vay của Ngân hàng TMCP Á Châu – Phòng giao dịch Times City theo Hợp đồng cấp tín dụng số BMA.DN.161.010316 ngày 15/03/2016, số tiền vay 52.000.000.000 VND. Mục đích vay: Đầu tư nhà máy dược, tái cấu trúc tài chính. Thời hạn cho vay 84 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Tài sản đảm bảo: bất động sản tại Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Kế ước nhận nợ số 213268699 ngày 18/03/2016, lãi suất vay 8%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần.
- Khoản vay của Ngân hàng TMCP Á Châu – Phòng giao dịch Times City theo Hợp đồng cấp tín dụng số BMA.DN.328.121217 ngày 20/12/2017, số tiền vay 65.000.000.000 VND, sửa đổi số tiền vay thành 46.500.000.000 VND bởi Hợp đồng BMA.DN.328.121217/SĐBS-02 ngày 06/06/2019. Mục đích vay: Tài trợ đầu tư 01 hệ thống dây chuyền sản xuất công nghệ BFS 460-15 theo Hợp đồng nhập khẩu số 460-15/W41 ngày 20/11/2017. Tài sản đảm bảo: bất động sản tại Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; Hệ thống máy BFS 460 bao gồm: hệ thống thổi, rót, hàn thuốc nhỏ mắt và ống tiêm nhựa loại 1ml và 5ml công nghệ vô khuẩn,... và các linh kiện, phụ kiện đồng bộ kèm theo (nếu có). Thời hạn cho vay 84 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Phương thức cho vay từng lần, giải ngân theo từng kế ước nhận nợ. Chi tiết theo các kế ước nhận nợ như sau:
 - Kế ước nhận nợ số 282391119 ngày 19/04/2019, số tiền vay 38.000.000.000 VND, thời hạn vay 84 tháng (từ ngày 20/04/2019 đến ngày 19/04/2026), lãi suất 8,5%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần.
 - Kế ước nhận nợ số 287666849 ngày 10/07/2019, số tiền vay 8.500.000.000 VND, thời hạn vay từ ngày 11/07/2019 đến ngày 19/04/2026, lãi suất 8,55%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai theo Hợp đồng cho vay số 01/2020-HĐCVDADT/NHCT136-CPC1 ngày 13/02/2020, số tiền vay 1.050.000.000 VND. Mục đích vay: thanh toán các chi phí “Đầu tư xe ô tô phục vụ việc đi lại cho cán bộ công nhân viên Công ty”: Thanh toán tiền mua 02 ô tô con nhãn hiệu Isuzu, số loại Mu-X theo Hợp đồng kinh tế số 24/HĐKT-2020 ngày 05/02/2020 giữa Công ty TNHH Ô tô Việt Hải và Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội. Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh. Tài sản đảm bảo: 2 xe ô tô con 07 chỗ, nhãn hiệu Isuzu, số loại Mu-X.

10. Công nợ với nhà cung cấp

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
- Bên liên quan	941.021.885	1.365.651.428
Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	878.723.059	1.357.456.388
Công ty TNHH Dược phẩm VNP	62.298.826	8.195.040
-Bên không liên quan	11.263.415.013	21.178.322.667
Công ty TNHH sản xuất và đầu tư phát triển Thuận Phát	2.215.191.881	3.257.448.694
Công ty TNHH sản xuất bao bì và thương mại Đức Thành	896.152.960	1.510.606.846
Công ty TNHH Novopharm	817.473.100	894.406.305
Phải trả cho các đối tượng khác	7.334.597.072	15.515.860.822
Cộng	12.204.436.898	22.543.974.095
b) Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn		
-Bên không liên quan	32.805.146.404	14.681.455.143
Công ty cổ phần Vật tư và Thiết bị ATI	4.244.644.800	-
Công ty TNHH Kỹ thương Minh Long	2.563.300.000	-
Ennovpha Industries (Asia) Limited (327.190,00 USD)	7.516.554.800	-
Rieckermann Services Limited (68.400,00 EUR)	1.881.000.000	1.881.000.000
Rommelag AG (378.000 CHF)	9.608.760.000	-
Trả trước cho các đối tượng khác	6.990.886.804	12.800.455.143
Cộng	32.805.146.404	14.681.455.143

11. Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đầu năm
a) Phải nộp				
Thuế GTGT	1.336.757.066	3.104.854.068	2.121.580.527	353.483.525
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	11.399.457.815	11.399.457.815	-
Thuế TNDN (*)	5.442.946.652	10.681.492.257	4.186.994.301	(1.051.551.304)
Thuế TNCN	1.012.035.347	5.282.184.486	5.518.015.410	1.247.866.271
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	591.142.565	591.142.565	-
Các loại thuế khác	-	109.473.213	109.473.213	-
Thuế, phí khác	408.116.970	408.116.970	-	-
Cộng	8.199.856.035	31.576.721.374	23.926.663.831	549.798.492

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	Cuối năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đầu năm
b) Phải thu				
Thuế xuất, nhập khẩu	161.987	1.889.819.114	2.002.703.935	113.046.808
Cộng	161.987	1.889.819.114	2.002.703.935	113.046.808

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải thu tại thời điểm 01/01/2021 được trình bày trên chỉ tiêu “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước”.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí lãi vay phải trả	888.471.527	1.151.372.458
- Bên liên quan	757.980.600	964.573.327
+ Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	481.139.046	606.705.714
+ Bà Lê Thị Kim Ánh (Cổ đông lớn)	133.461.783	169.479.306
+ Bà Phùng Thanh Hương (Cổ đông lớn)	79.598.735	120.051.482
+ Ông Nguyễn Tiến Lung (Cổ đông lớn)	63.781.036	68.336.825
- Bên không liên quan	130.490.927	186.799.131
Trích trước thuế TNCN phải nộp cho tư vấn viên giới thiệu khách hàng	307.251.371	777.392.051
Chi phí thuê văn phòng	49.998.000	49.998.000
Chi phí phải trả khác	21.946.000	1.321.406.178
Cộng	1.267.666.898	3.300.168.687

13. Các khoản phải trả khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	345.597.549	280.302.196
Khách hàng trả tiền trước hàng ủy thác	1.923.521.388	253.858.832
Cổ tức phải trả	26.860.000	24.730.000
Tiền mua cổ phần (*)	2.411.791.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	974.173.346	381.711.103
Cộng	5.681.943.283	940.602.131
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	234.000.000	130.000.000
Cộng	234.000.000	130.000.000

(*) Tiền mua cổ phần là số tiền mà các cổ đông mua cổ phiếu phát hành thêm của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỠC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****14. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	121.717.820.000	5.473.000.000	19.466.901.891	134.568.056.230	281.225.778.121
Lãi trong năm trước	-	-	-	97.210.599.643	97.210.599.643
Trích các quỹ	-	-	23.518.037.722	(31.987.597.699)	(8.469.559.977)
Chia cổ tức	-	-	-	(9.737.425.600)	(9.737.425.600)
Thường hội đồng quản trị ban kiểm soát	-	-	-	(40.000.000)	(40.000.000)
Số dư cuối năm trước	121.717.820.000	5.473.000.000	42.984.939.613	190.013.632.574	360.189.392.187
Lãi trong năm nay	-	-	-	108.263.219.530	108.263.219.530
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	24.302.649.911	(24.302.649.911)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(9.737.425.600)	(9.737.425.600)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.860.529.982)	(4.860.529.982)
Trích quỹ thường ban điều hành	-	-	-	(3.181.472.207)	(3.181.472.207)
Thường HĐQT, BKS	-	-	-	(56.000.000)	(56.000.000)
Số dư cuối năm nay	121.717.820.000	5.473.000.000	67.287.589.524	256.138.774.404	450.617.183.928

Đơn vị: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	121.717.820.000	121.717.820.000
Cộng	121.717.820.000	121.717.820.000

c) Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	121.717.820.000	121.717.820.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	121.717.820.000	121.717.820.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.171.782	12.171.782
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.171.782	12.171.782
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.171.782</i>	<i>12.171.782</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.171.782	12.171.782
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.171.782</i>	<i>12.171.782</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu

e) Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 850/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/05/2021, chi tiết như sau:

	Năm 2021
	VND
Chia cổ tức	9.737.425.600
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	24.302.649.911
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	4.860.529.982
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	3.181.472.207
Trích quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	56.000.000
Cộng	42.138.077.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15. Nguồn kinh phí

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	(594.870.800)	1.312.000.000
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	1.072.000.000	-
Chi sự nghiệp	(488.123.000)	(1.906.870.800)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	(10.993.800)	(594.870.800)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	572.787.543.067	513.066.132.527
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.026.551.635	7.279.038.545
Cộng	579.814.094.702	520.345.171.072
<i>Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan (*)</i>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	47.570.036.359	54.509.966.107
Cộng	47.570.036.359	54.509.966.107

(*) Chi tiết các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh VII.3

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	3.637.603.409	1.896.413.585
Cộng	3.637.603.409	1.896.413.585

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	263.402.036.966	250.374.579.208
Cộng	263.402.036.966	250.374.579.208

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	17.235.526	226.699.588
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	366.373.345	193.394.861
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	64.063.316	144.615.224
Thu nhập từ cổ tức	-	252.631.579
Cộng	447.672.187	817.341.252

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	8.546.014.376	11.894.235.686
Chiết khấu thanh toán	-	5.373.900
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	42.521.104	258.701.759
Cộng	8.588.535.480	12.158.311.345

6. Thu nhập khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	50.000.000	140.000.000
Khoản ứng trước của khách hàng hủy hợp đồng không hoàn trả	753.134.095	-
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	78.833.773
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	252.631.579	-
Các khoản khác	94.266.304	107.658.747
Cộng	1.150.031.978	326.492.520

7. Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ	269.537.033	331.822.873
Thuế bị phạt bị phạt, truy thu	454.348.753	21.334.606
Tiền thuê đất phải nộp	-	543.932.200
Các khoản khác	384.492.039	96.001.917
Cộng	1.108.377.825	993.091.596

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<i>a) Các khoản chi phí bán hàng</i>		
Chi phí nhân viên bán hàng	88.347.462.616	67.576.564.006
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.671.077.349	1.834.818.733
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.463.261.096	1.840.808.292
Chi phí khuyến mại	4.737.964.928	5.595.433.159
Chi phí tài trợ sản phẩm, hàng hóa (*)	26.274.596.250	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.065.019.976	22.152.780.776
Các khoản chi phí bán hàng khác	7.786.607.454	26.087.283.706
Cộng	164.345.989.669	125.087.688.672

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘICụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	11.078.381.023	9.686.382.277
Chi phí đồ dùng văn phòng	624.533.556	1.619.941.162
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.049.205.473	2.455.805.282
Thuế, phí và lệ phí	850.550.086	951.283.249
Dự phòng phải thu khó đòi	(414.970.594)	279.254.693
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.898.364.608	6.637.180.204
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.298.479.579	3.300.000.000
Cộng	21.384.543.731	24.929.846.867

(*) Là chi phí tài trợ sản phẩm, hàng hóa của Công ty cho công tác phòng chống covid với giá trị 26.274.596.250 VND theo văn bản đồng ý tiếp nhận số 5405/BYT-KHTC ngày 07/07/2021 của Bộ Y tế.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	128.643.207.626	89.705.723.737
Chi phí nhân công	149.128.937.023	108.333.985.349
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.970.411.209	30.432.314.509
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.319.105.959	49.199.148.410
Chi phí khác bằng tiền	14.009.840.547	84.468.305.773
Cộng	373.071.502.364	362.139.477.778

10. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	118.944.711.787	106.049.073.571
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(321.758.231)	(377.833.808)
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	629.684.856	729.206.235
Thu nhập chịu thuế	119.252.638.412	106.400.445.998
Tỷ lệ doanh thu hưởng ưu đãi	59,84%	58,47%
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chính hưởng ưu đãi (thuế suất 10%)	71.357.097.912	62.208.076.360
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chính không hưởng ưu đãi (thuế suất 20%)	47.895.540.500	44.192.369.638
Thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành	23.850.527.682	21.280.089.200
Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng thuế suất khác với thuế suất phổ thông	(7.135.709.791)	(6.220.807.636)
Thuế TNDN được miễn	(7.135.709.791)	(6.220.807.636)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	9.579.108.100	8.838.473.928
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước	1.102.384.157	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	10.681.492.257	8.838.473.928

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	108.263.219.530	97.210.599.643
<i>a) Số điều chỉnh giảm</i>	<i>(3.624.341.353)</i>	<i>(3.237.472.207)</i>
Trích thường Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (*)	(56.000.000)	(56.000.000)
Trích quỹ thường Ban điều hành (*)	(3.568.341.353)	(3.181.472.207)
<i>b) Số điều chỉnh tăng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thông	104.638.878.177	93.973.127.436
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(5.413.160.976)	(4.860.529.982)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.171.782	12.171.782
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.152	7.321
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (**)	4.057.260	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sau phát hành thêm	16.229.042	12.171.782
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.114	7.321

(*) Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng ban điều hành, hội đồng quản trị, ban kiểm soát năm 2021 được tạm tính bằng tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành, hội đồng quản trị và ban kiểm soát theo tỷ lệ trích các quỹ đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 850/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 05 năm 2021.

(**) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 1377/2021/NQ-HĐQT ngày 19/07/2021, Hội đồng quản trị Công ty thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội thêm 4.057.260 cổ phần, tương đương 40.572.600.000 VND. Thời gian chào bán dự kiến trong năm 2021 hoặc thời điểm khác phù hợp với chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Các bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Hà Nội	Nhân sự quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hà Nội	Cổ đông lớn
Bà Lê Thị Kim Ánh	Hà Nội	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Tiến Lung	Hà Nội	Cổ đông lớn
Bà Phùng Thanh Hương	Hà Nội	Cổ đông lớn
Ông Lê Nam Thắng	Hà Nội	Cổ đông lớn, Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Bình	Hà Nội	Cổ đông lớn, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Medzavy	Hà Nội	Có ông Lê Nam Thắng cùng là thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Upharma	Hà Nội	Có ông Lê Nam Thắng cùng là thành viên HĐQT
Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Hà Nội	Có ông Nguyễn Thanh Bình cùng là thành viên Ban Giám đốc
Công ty TNHH Dược Phẩm VNP	Hà Nội	Có ông Nguyễn Thanh Bình cùng là thành viên Ban Giám đốc

Giao dịch với các bên liên quan

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, trong năm, Công ty còn phát sinh các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

TT	Các bên liên quan	Giá trị giao dịch VND
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
1	Lương và các khoản phụ cấp	1.547.886.282
2	Thù lao Hội đồng quản trị	168.000.000
3	Tiền thưởng	627.983.000
4	Vay tiền	3.500.000.000
5	Thanh toán gốc vay	5.248.303.000
6	Lãi vay phải trả	1.905.569.904
7	Lãi vay đã trả	2.031.136.572
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1		
1	Mua hàng hóa dịch vụ	2.222.263.778
2	Thanh toán tiền mua hàng hóa dịch vụ	2.443.119.613
3	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	9.980.581.964
4	Thu tiền cung cấp hàng hóa, dịch vụ	13.922.120.662
Công ty Cổ Phần Dược phẩm Medzavy		
1	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	119.455.000
Công ty Cổ phần Upharma		
1	Mua hàng hóa dịch vụ	2.714.286
2	Thanh toán tiền mua hàng hóa dịch vụ	2.850.000
3	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	618.353.149
4	Thu tiền cung cấp hàng hóa, dịch vụ	631.744.552

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

TT	Các bên liên quan	Giá trị giao dịch VND
Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh		
1	Mua hàng hóa dịch vụ	9.523.443.072
2	Thanh toán tiền mua hàng hóa dịch vụ	10.478.348.555
3	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	24.881.094.617
4	Thu tiền cung cấp hàng hóa, dịch vụ	27.942.689.431
Công ty TNHH Dược Phẩm VNP		
1	Mua hàng hóa dịch vụ	192.395.988
2	Thanh toán tiền mua hàng hóa dịch vụ	147.912.006
3	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	11.970.551.629
4	Thu tiền cung cấp hàng hóa, dịch vụ	11.411.717.716
Bà Lê Thị Kim Ánh		
1	Lãi vay phải trả	529.495.118
2	Lãi vay đã trả	574.432.605
Ông Nguyễn Tiến Lung		
1	Lãi vay phải trả	253.044.328
2	Lãi vay đã trả	309.483.044
Bà Phùng Thanh Hương		
1	Lãi vay phải trả	315.799.329
2	Lãi vay đã trả	362.570.575

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2021 đã được trình bày tại thuyết minh thông tin bổ sung cho chỉ tiêu trình bày trên Bảng cân đối kế toán.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, không có sự kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

6. Những thông tin khác

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 1377/2021/NQ-HĐQT ngày 19/07/2021, thông qua việc triển khai Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, Công ty dự kiến phát hành thêm 4.057.260 cổ phiếu, tương ứng 44.629.860.000 VND cho cổ đông hiện hữu với giá 11.000/cổ phiếu. Số tiền thu từ việc phát hành cổ phiếu dự kiến là 44.629.860.000 VND sẽ được sử dụng để mua máy móc thiết bị nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất của Công ty trong giai đoạn 2021 - 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phùng Thị Thảo Hương



Đặng Thị Thu Thủy



Lê Nam Thắng